

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2026/QĐ-BTC ngày 12/6/2025 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5152/TTr-STC ngày 18/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài chính (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC) (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nguyễn Văn Thi', written in a cursive style.

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã TTHC	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Ghi chú
I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh			
1	1.001612.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Cấp huyện	Chuyển cấp xã thực hiện
2	2.000720.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Cấp huyện	Chuyển cấp xã thực hiện
3	1.001570.000.00.00.H56	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Cấp huyện	Chuyển cấp xã thực hiện
4	1.001266.000.00.00.H56	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Cấp huyện	Chuyển cấp xã thực hiện
5	2.000575.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Cấp huyện	Chuyển cấp xã thực hiện
II	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp			
6	2.001610.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Cấp tỉnh	
7	2.001583.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Cấp tỉnh	
8	2.001199.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Cấp tỉnh	

STT	Mã TTHC	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Ghi chú
9	2.002043.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Cấp tỉnh	
10	2.002042.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Cấp tỉnh	
11	2.002041.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Cấp tỉnh	
12	1.005169.000.00.00.H56	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Cấp tỉnh	
13	2.002011.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Cấp tỉnh	
14	2.002010.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Cấp tỉnh	
15	2.002009.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Cấp tỉnh	
16	2.002008.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Cấp tỉnh	
17	1.005114.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Cấp tỉnh	
18	2.002000.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Cấp tỉnh	

STT	Mã TTHC	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Ghi chú
19	2.001996.000.00.00.H56	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Cấp tỉnh	
20	2.001993.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Cấp tỉnh	
21	2.002044.000.00.00.H56	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Cấp tỉnh	
22	2.001992.000.00.00.H56	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Cấp tỉnh	
23	2.001954.000.00.00.H56	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Cấp tỉnh	
24	2.002069.000.00.00.H56	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Cấp tỉnh	
25	2.002070.000.00.00.H56	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Cấp tỉnh	

STT	Mã TTHC	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Ghi chú
26	2.002031.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Cấp tỉnh	
27	2.002075.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Cấp tỉnh	
28	2.002072.000.00.00.H56	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Cấp tỉnh	
29	2.002045.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Cấp tỉnh	

STT	Mã TTHC	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Ghi chú
30	1.005176.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Cấp tỉnh	
31	1.010026.000.00.00.H56	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Cấp tỉnh	
32	2.002085.000.00.00.H56	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Cấp tỉnh	
33	2.002083.000.00.00.H56	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Cấp tỉnh	
34	2.002059.000.00.00.H56	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Cấp tỉnh	
35	2.002060.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Cấp tỉnh	

STT	Mã TTHC	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Ghi chú
36	2.002057.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Cấp tỉnh	
37	2.002034.000.00.00.H56	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Cấp tỉnh	
38	2.002032.000.00.00.H56	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Cấp tỉnh	
39	2.002033.000.00.00.H56	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Cấp tỉnh	
40	1.010027.000.00.00.H56	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Cấp tỉnh	
41	2.002018.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Cấp tỉnh	
42	2.002017.000.00.00.H56	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Cấp tỉnh	
43	2.002015.000.00.00.H56	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Cấp tỉnh	
44	2.002029.000.00.00.H56	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Cấp tỉnh	

STT	Mã TTHC	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Ghi chú
45	2.002023.000.00.00.H56	Giải thể doanh nghiệp	Cấp tỉnh	
46	2.002022.000.00.00.H56	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Cấp tỉnh	
47	2.002020.000.00.00.H56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Cấp tỉnh	
48	2.002016.000.00.00.H56	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Cấp tỉnh	
49	2.000368.000.00.00.H56	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Cấp tỉnh	
50	2.000416.000.00.00.H56	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Cấp tỉnh	
51	2.000375.000.00.00.H56	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Cấp tỉnh	
52	1.010029.000.00.00.H56	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Cấp tỉnh	
53	1.010030.000.00.00.H56	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Cấp tỉnh	

STT	Mã TTHC	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Ghi chú
54	1.010031.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Cấp tỉnh	
55	1.010010.000.00.00.H56	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Cấp tỉnh	
56	1.010023.000.00.00.H56	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Cấp tỉnh	
III	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
57	1.005280.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Cấp huyện	Chuyển cấp xã thực hiện
IV	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp			
58	2.002005.000.00.00.H56	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Cấp tỉnh	
V	Lĩnh vực tín học - thống kê			
59	2.002206.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Cấp tỉnh	